TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: **26/6/2019**
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Băng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 01, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Đình D, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 36, Phân trại số 01, Trại giam H – Cục C10 - Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Chị Hoàng Thị Q và anh Hà Đình D đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D nghiện ma tuý, chơi cờ bạc, lô đề... Chị Q và gia đình hai bên đã khuyên nhủ, động viên nhưng anh D vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 12 năm 2016, anh D bị bắt, sau đó bị kết án về tội Mua bán trái phép

chất ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại, chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hà Đình D.

* Về con chung: Chị Q và anh D có 02 con, là cháu Hà Mai L, sinh ngày 24/5/2011 và cháu Hà Nhật N, sinh ngày 22/6/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con, là cháu L và cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Đình D vắng mặt, nhưng tại Bản tự khai ngày 24/5/2019, anh D trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị Q trình bày là đúng. Anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí.

* Về con chung: Anh D xác nhận có 02 con, như nội dung chị Q đã trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định pháp luật.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền của đương sự đã được đảm bảo.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn với anh Hà Đình D; về con chung, giao các cháu Hà Mai L và Hà Nhật N cho chị Q nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Hà Đình D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Hà Đình D có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 01, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Đình D vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. *Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hà Đình D ngày 22/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh D chơi cờ bạc, lô đề... Hai vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tháng 12 năm 2016, anh D bị bắt, sau đó bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam H - Bộ Công an. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, do anh D đang chấp hành án trong trại giam nên không thể triệu tập anh D đến Tòa án để hòa giải được. Mặt khác, trong Bản tự khai, anh D cũng nhất trí ly hôn với chị Q. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị Q, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị Q về việc được nuôi dưỡng cháu Hà Mai L và Hà Nhật N, cho đến khi đủ 18 tuổi. HĐXX thấy, từ tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm hiện tại, anh D bị bắt, sau đó bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đang phải chấp hành án tại Trại giam H. Trong khoảng thời gian đó, cháu L và cháu N được chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh D đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định pháp luật. Tại đơn nguyện vọng ngày 19/5/2019, cháu L cũng đề nghị được ở với chị Q. Xét tại thời điểm xét xử, anh D không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Do đó, cần giao các cháu Hà Mai L và Hà Nhật N cho chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q được ly hôn với anh Hà Đình D.

2. Về nuôi con: Giao các cháu Hà Mai L, sinh ngày 24/5/2011 và cháu Hà Nhật N, sinh ngày 22/6/2013 cho chị Hoàng Thị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hà Đình D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004874 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Hoàng Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Đình D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường H, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy